

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/ HNGĐ-ST

Ngày 11-9-2024

“ V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Sự

2. Ông Gia Văn Tính

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Chứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện VKS nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T**, sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Số CCCD: 0381920342xx. Cấp ngày 12/7/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

2. Bị đơn: Anh **Hà Văn N**, sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Bản Táo, xã Trug Lý, huyện Mường Lát, Thanh Hóa. Có mặt.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Số CCCD: 0380920441xx. Cấp ngày 12/7/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị T trình bày:

Chị và anh Hà Văn N tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, anh chị tự nguyện đến với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn ngày 18/3/2011 tại UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Chị và anh N chung sống hạnh phúc, hòa thuận một thời gian và có với nhau 02 đứa con chung. Đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn bất đồng về quan điểm sống, quan điểm dạy dỗ con. Chị cảm thấy thật mệt mỏi và bế tắc, nay chị không còn tình cảm với anh Hà Văn N nữa và anh chị đã sống ly thân. Chị cho rằng đời sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Hà Văn N.

Về con chung: Trong kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung, tên các cháu là Hà Nguyệt A, sinh ngày 21/01/2015 và cháu Hà Hữu N, sinh ngày 11/10/2017, hiện tại các cháu đang ở với chị. Nay xin ly hôn chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Nguyệt A, đề nghị Tòa án giao cháu Hà Hữu N cho anh cho anh Hà Văn N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Hà Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Hà Văn N:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh để nộp bản tự khai nhưng anh đều vắng mặt, trốn tránh, nên không có lời khai của anh Hà Văn N trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, anh Hà Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Việc chị Lương Thị T trình bày là đúng, anh chị đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong cuộc sống cũng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, chị Lương Thị T thường tự quyết công việc trong nhà, không bàn bạc với chồng. Nay, anh xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, ngày càng trầm trọng, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị Lương Thị T có 02 con chung, như chị T đã trình bày trong đơn khởi kiện, anh đồng ý với ý kiến của chị Lương Thị T, đó là chị T nuôi cháu Hà Nguyệt A, anh nuôi cháu Hà Hữu N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản ghi nguyện vọng đề ngày 22/7/2024, cháu Hà Nguyệt A có nguyện vọng muốn được ở với mẹ; cháu Hà Hữu N chưa đủ bảy tuổi nên chưa có bản ghi nguyện vọng.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Hà Văn Ngự quá trình giải quyết chấp hành chưa tốt, nhưng tại phiên tòa đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Lương Thị T và anh Hà Văn N.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị HĐXX giao Hà Nguyệt A, sinh ngày 21/01/2015 cho chị Lương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Hà Hữu N, sinh ngày 11/10/2017 cho anh Hà Văn N là người trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do mỗi người nuôi một cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho chị Lương Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Lương Thị T có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con với anh Hà Văn N, nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án, nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của

việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Hà Văn N không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Hà Văn N đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh không đến để tham gia hoà giải, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng nguyên đơn.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng, thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị Tươi có đơn khởi kiện đối với anh Hà Văn N, nên chị Lương Thị T được xác định là nguyên đơn, còn anh Hà Văn N được xác định là bị đơn theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được thông báo thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập đến để viết bản tự khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã vắng mặt, nhưng tại phiên tòa anh đã có mặt, do vậy, bị đơn chấp hành tốt nghĩa vụ quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, trình bày của bị đơn tại phiên tòa, biên bản xác định mâu thuẫn và quá trình giải quyết vụ án thì: Chị Lương Thị T và anh Hà Văn N tự do tìm hiểu, yêu đương, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn ngày 18/3/2011 tại UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân và anh chị đã sống ly thân, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau. Việc này đã được chính quyền xã Trung Lý, huyện Mường Lát xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị Lương Thị T và anh Hà Văn N đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được cho ly hôn. HĐXX nhận thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung vợ chồng. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Lương Thị T và anh Hà Văn N được ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị T và anh Hà Văn N có 02 con chung là cháu Hà Nguyệt A, sinh ngày 21/01/2015 và cháu Hà Hữu N, sinh ngày 11/10/2017. Xét thấy trách nhiệm nuôi con chung là của cả bố và mẹ đối với con chưa thành niên, việc anh chị ly hôn làm phát sinh tranh chấp quyền nuôi con. Tại thời điểm giải quyết vụ án các cháu cũng không còn nhỏ, cháu Hà Nguyệt A có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, các cháu đều phát triển bình thường về thể chất; Do đó việc giao con cho một trong các bên có quyền nuôi dưỡng, được xem xét trên môi trường giáo dục để các cháu có sự phát triển về mọi mặt, phù hợp với giới tính, điều kiện chăm sóc, tâm sinh lý của các cháu, cũng như thu nhập của mỗi bên và nguyện vọng của các cháu. Vì vậy, HĐXX giao các cháu Hà Nguyệt A, sinh ngày 21/01/2015 cho chị Lương Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu Hà Hữu N, sinh ngày 11/10/2017 cho anh Hà Văn N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với đề của chị Tươi và anh Ngự, cũng như nguyện vọng của cháu Hà Nguyệt A.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Lương Thị T được miễn án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, vì chị là người dân tộc thiểu số (Thái), thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KH-XH đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 3 Điều 210, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 147, Điều 148, Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Hà Văn N.

1.2. Về con chung: Giao cháu Hà Nguyệt A, sinh ngày 21/01/2015 cho chị Lương Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Hà Hữu N, sinh ngày 11/10/2017 cho chị anh Hà Văn N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi

Chị Lương Thị T và anh Hà Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi cần thiết, chị Lương Thị T và anh Hà Văn N có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật và đều có quyền làm đơn đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu.

2. Về án phí: Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho chị Lương Thị T

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, H. Mường Lát;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

